

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC SỐ I VĨNH PHÚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Kim Thanh	Thành viên
Ông Ninh Duy Giang	Thành viên
Ông Trần Duy Thập	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Thập	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Kim Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Thanh Hải - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Đỗ Thanh Hải đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Khánh ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 04/UQ-CTN1 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Khánh

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Số: 081 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số I Vinh Phúc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số I Vinh Phúc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024 từ trang 05 đến trang 32 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình, Công ty đã ghi giảm nguyên giá tài sản của các dự án: Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên, Dự án Nhà máy nước Yên Lạc, Dự án Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, trong đó có ngoại trừ vấn đề ghi tăng phải trả, nguyên giá tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao đối với Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên, Nhà máy nước Yên Lạc, Dự án Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.428.926.447	128.368.777.195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.232.678.656	24.014.027.594
1. Tiền	111	4	16.232.678.656	24.014.027.594
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.118.602.740	66.150.784.540
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	18.118.602.740	66.150.784.540
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.485.243.181	21.235.274.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.721.837.877	18.728.273.984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.389.843.757	1.071.745.215
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	664.201.494	1.577.782.379
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(290.639.947)	(142.526.632)
IV. Hàng tồn kho	140	9	16.852.969.484	14.168.506.938
1. Hàng tồn kho	141		16.852.969.484	14.168.506.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.739.432.386	2.800.183.177
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.376.720.071	1.259.217.349
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.270.395	1.340.036.100
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	17.441.920	200.929.728
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.907.412.232	871.481.323.922
I. Tài sản cố định	220		137.017.548.517	791.570.144.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	136.129.999.083	790.698.345.321
- Nguyên giá	222		440.514.960.519	1.136.684.437.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.384.961.436)	(345.986.092.329)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	887.549.434	871.799.639
- Nguyên giá	228		2.055.720.626	1.666.240.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.168.171.192)	(794.440.987)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.062.953.557	35.059.897.980
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	16.062.953.557	35.059.897.980
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	19.000.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.000.000.000	19.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.826.910.158	25.851.280.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	39.826.910.158	25.851.280.982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		288.336.338.679	999.850.101.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		162.167.222.592	876.965.718.702
I. Nợ ngắn hạn	310		48.218.992.080	81.839.059.137
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.381.687.352	12.385.857.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.866.985.011	3.225.562.365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	3.476.054.749	3.324.701.829
4. Phải trả người lao động	314		8.084.672.924	7.925.984.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.333.894.980	30.314.626.165
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.958.988.902	2.038.194.641
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	15.668.275.031	14.126.800.070
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	5.427.456.135
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.448.433.131	3.069.875.455
II. Nợ dài hạn	330		113.948.230.512	795.126.659.565
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	90.314.252.015	758.051.535.531
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	23.633.978.497	37.075.124.034
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.169.116.087	122.884.382.415
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	126.169.116.087	122.884.382.415
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.686.760.000	111.686.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.686.760.000	111.686.760.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.410.867.274	118.480.274
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.286.646.062	1.286.646.062
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.166.035.526	9.173.688.854
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		132.369	4.142.651
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.165.903.157	9.169.546.203
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		618.807.225	618.807.225
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		288.336.338.679	999.850.101.117



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vinh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	204.953.490.905	205.656.782.817
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		204.953.490.905	205.656.782.817
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	153.644.511.756	152.817.488.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		51.308.979.149	52.839.294.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.715.582.272	3.584.296.012
7. Chi phí tài chính	22	27	3.586.401.195	3.474.435.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.343.579.946	2.948.932.512
8. Chi phí bán hàng	25	28	19.695.112.614	16.482.508.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.842.245.882	26.204.976.620
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.900.801.730	10.261.668.612
11. Thu nhập khác	31	29	1.525.857.758	1.446.643.581
12. Chi phí khác	32		27.395.268	387.833.378
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.498.462.490	1.058.810.203
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.399.264.220	11.320.478.815
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.233.361.063	2.150.932.612
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.165.903.157	9.169.546.203
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh (70 = 60 + 51)	70	31	910	561



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vinh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.399.264.220	11.320.478.815
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.395.948.327	23.863.838.636
- Các khoản dự phòng	03	(5.279.342.820)	142.526.632
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	242.821.249	431.876.703
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.761.945.908)	(3.506.524.685)
- Chi phí lãi vay	06	3.343.579.946	2.948.932.512
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.340.325.014	35.201.128.613
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.133.408.922)	(4.672.029.232)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(18.728.831.516)	(479.783.461)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.841.854.515	31.094.032.585
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	14.816.332.202	(4.276.861.391)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.138.694.777)	(2.993.510.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.150.932.612)	(313.429.932)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.989.243.290)	(1.747.342.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.857.400.614	51.812.203.821
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(84.814.076.209)	(29.985.934.005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	46.363.636	-
3. Tiền chi cho vay	23	(13.000.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	61.770.528.317	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.485.131.060	2.523.673.857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.512.053.196)	(51.462.260.148)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.025.469.650	12.848.620.472
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.167.621.259)	(10.784.475.819)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.984.544.747)	(2.848.563.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.126.696.356)	(784.419.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.781.348.938)	(434.475.396)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.014.027.594	24.448.502.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.232.678.656	24.014.027.594



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Vinh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước số I Vinh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 03 tháng 08 năm 2009 và thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 111.686.760.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 244 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 243 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch; Quản lý, khai thác và xử lý nước, xử lý chất thải đô thị; Tư vấn thiết kế công trình cấp thoát nước; Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước, điện và xây dựng; Xây dựng công trình đường dây điện đến 35kV và trạm biến áp đến 560kVA; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Xây lắp công trình cấp thoát nước, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp thoát nước; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Sản xuất và mua bán nước lọc tinh khiết đóng chai; Mua bán nước lọc tinh khiết đóng chai; Cho thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng, kho bãi; Dịch vụ xét nghiệm mẫu nước trong lĩnh vực hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, thương mại.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại liên kết.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, không tiếp tục sử dụng và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 32
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo chính sách kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Cổ đông chi phối
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	349.524.214	1.165.450.541
Tiền gửi ngân hàng	15.883.154.442	22.848.577.053
Cộng	16.232.678.656	24.014.027.594

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 8%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng dùng nước</i>	<i>17.757.273.331</i>	<i>16.588.177.266</i>
Công ty TNHH BHFlex Vina	2.722.987.923	2.551.562.209
Bà Lê Thị Thùy	5.434.695.599	618.340.426
Các đối tượng khác	9.599.589.809	13.418.274.631
<i>Phải thu của khách hàng lắp đặt và dịch vụ khác</i>	<i>1.964.564.546</i>	<i>2.140.096.718</i>
Trong đó, phải thu bên liên quan	586.124.000	436.389.035
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vinh Phúc</i>	<i>586.124.000</i>	<i>436.389.035</i>
UBND xã Thiện Kế	958.063.000	958.063.000
Các đối tượng khác	420.377.546	745.644.683
Cộng	19.721.837.877	18.728.273.984

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Natural Việt Nam	3.000.000.000	-
Các đối tượng khác	389.843.757	1.071.745.215
Cộng	3.389.843.757	1.071.745.215

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	220.929.321	390.092.000
Ký quỹ, ký cược	-	118.488.000
Hỗ trợ khách hàng giảm tiền nước theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	-	781.078.880
Phải thu khác	443.272.173	288.123.499
Cộng	664.201.494	1.577.782.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.733.848.460	-	13.588.970.181	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.024.677.481	-	579.536.757	-
Cộng	16.852.969.484	-	14.168.506.938	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	395.692.726	419.176.688
Chi phí hóa chất, xử lý nước	546.594.538	408.909.688
Chi phí khác	434.432.807	431.130.973
Cộng	1.376.720.071	1.259.217.349
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	343.637.693	167.533.422
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	21.124.225.438	9.265.145.229
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ (i)	17.589.948.576	15.380.348.452
Chi phí trả trước dài hạn khác	769.098.451	1.038.253.879
Cộng	39.826.910.158	25.851.280.982

Ghi chú:

- (i) Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ là chi phí phát sinh theo thực tế sử dụng của khách hàng, Công ty đánh giá các đồng hồ này thường được sử dụng hiệu quả trong vòng 3 năm, theo đó Công ty đang phân bổ chi phí này theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 3 năm.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế GTGT	17.441.920	-	17.281.207	160.713
Thuế thu nhập cá nhân	-	200.769.015	-	200.769.015
Cộng	17.441.920	200.769.015	17.281.207	200.929.728
b) Các khoản phải nộp				
Thuế tài nguyên	134.599.104	1.833.838.630	1.847.426.516	148.186.990
Thuế thu nhập cá nhân	52.255.005	220.910.622	168.655.617	-
Thuế TNDN	2.233.361.063	2.233.361.063	2.150.932.612	2.150.932.612
Các loại thuế khác	1.055.839.577	11.066.191.295	11.035.933.945	1.025.582.227
Cộng	3.476.054.749	15.354.301.610	15.202.948.690	3.324.701.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	297.021.715.946	236.604.437.474	598.912.882.811	4.145.401.419	1.136.684.437.650
- Mua trong năm	-	54.716.200	-	38.400.000	93.116.200
- Đầu tư XD CB hoàn thành	12.567.906.101	15.141.954.271	9.301.882.010	1.479.421.818	38.491.164.200
- Phân loại lại	(94.998.540)	87.748.540	7.250.000	-	-
- Giảm khác (i)	(222.853.804.471)	(185.031.369.731)	(326.621.901.329)	-	(734.507.075.531)
Số dư cuối năm	86.640.819.036	66.857.486.754	281.600.113.492	5.416.541.237	440.514.960.519
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	69.625.391.569	77.723.265.915	195.386.384.030	3.251.050.815	345.986.092.329
- Khấu hao trong năm	4.573.872.785	4.009.439.921	14.813.173.039	592.732.377	23.989.218.122
- Phân loại lại	(83.248.769)	98.407.630	(13.497.508)	(1.661.353)	-
- Giảm khác (i)	(19.238.132.775)	(38.217.131.925)	(7.888.402.315)	-	(65.343.667.015)
Số dư cuối năm	54.877.882.810	43.613.981.541	202.297.657.246	3.595.439.839	304.384.961.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	227.396.324.377	158.881.171.559	403.526.498.781	894.350.604	790.698.345.321
Tại ngày cuối năm	31.762.936.226	23.243.505.213	79.302.456.246	1.821.101.398	136.129.999.083

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 186.414.309.482 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 174.400.543.522 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 32.583.408.368 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39.958.481.537 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2023 về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, áp dụng cho năm tài chính 2023; Công ty ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 đã ghi giảm các tài sản cố định thuộc các dự án:

- Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên:

Công ty đã ghi giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình thuộc Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên với nguyên giá được Công ty tạm xác định là 699.153.948.347 VND, khấu hao lũy kế là 61.159.377.018 VND, giá trị còn lại là 637.994.571.329 VND.

- Dự án Nhà máy Nước Yên Lạc:

Công ty đã ghi giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình thuộc Dự án Nhà máy Nước Yên Lạc với nguyên giá là 12.430.000.000 VND, khấu hao lũy kế từ các năm trước là 1.630.121.989 VND, giá trị còn lại là 10.799.878.011 VND.

- Dự án Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên:

Công ty đã ghi giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình thuộc Dự án Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên với nguyên giá là 23.022.127.184 VND, khấu hao lũy kế từ các năm trước là 2.587.168.008 VND, giá trị còn lại là 20.434.959.176 VND.

Sau khi ghi giảm tài sản cố định hữu hình của các Dự án kể trên, Công ty theo dõi các khoản cần phải hoàn trả Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại chi tiêu “Phải trả khác” (chi tiết tại Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.666.240.626	1.666.240.626
- Mua trong năm	488.480.000	488.480.000
- Giảm khác (i)	(99.000.000)	(99.000.000)
Số dư cuối năm	<u>2.055.720.626</u>	<u>2.055.720.626</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	794.440.987	794.440.987
- Khấu hao trong năm	406.730.205	406.730.205
- Giảm khác (i)	(33.000.000)	(33.000.000)
Số dư cuối năm	<u>1.168.171.192</u>	<u>1.168.171.192</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>871.799.639</u>	<u>871.799.639</u>
Tại ngày cuối năm	<u>887.549.434</u>	<u>887.549.434</u>

Giá trị tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 640.014.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 527.264.000 VND).

Ghi chú:

- (i) Giảm tài sản thuộc Dự án Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu Danh thắng Tây Thiên (chi tiết tại Thuyết minh số 12).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Đồng Ích - Tiên Lữ	1.539.190.947	1.539.190.947
Hệ thống cấp nước cho xã Thiện Ké, huyện Bình Xuyên	1.912.457.517	1.912.457.517
Công trình Nhà làm việc XN Cấp nước Tam dương - Tam đảo	1.995.775.926	300.000
Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước tại các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Dương, Bình Xuyên, Tam Đảo	1.770.918.501	-
Các công trình khác	8.844.610.666	31.607.949.516
Cộng	<u>16.062.953.557</u>	<u>35.059.897.980</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-
Cộng	19.000.000.000	(i)	-	19.000.000.000	(i)	-

Ghi chú:

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có vốn điều lệ là 65.000.000.000 VND - thực hiện dự án cấp nước cho Khu công nghiệp Tam Dương, Công ty góp là 29,23% vốn điều lệ. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có lãi và có lãi lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023.

Giao dịch chủ yếu với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc (xem Thuyết minh số 34).

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Không phải bên liên quan	6.154.504.916	6.154.504.916	12.385.857.853	12.385.857.853
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	-	-	2.539.984.800	2.539.984.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ thiết bị đo và hệ thống điều khiển	-	-	1.856.370.000	1.856.370.000
Công ty cổ phần WesternTech Việt Nam	3.004.348.900	3.004.348.900	-	-
Công ty Cổ phần Cúc Phương	-	-	-	-
Các đối tượng khác	3.150.156.016	3.150.156.016	7.989.503.053	7.989.503.053
b) Bên liên quan	3.227.182.436	3.227.182.436	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc	3.227.182.436	3.227.182.436	-	-
Cộng	9.381.687.352	9.381.687.352	12.385.857.853	12.385.857.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hoàng Gia	22.330.000	22.330.000
Ban Điều hành dự án công trình giao thông Vĩnh Phúc	1.041.930.639	1.041.930.639
UBND huyện Vĩnh Tường	804.059.000	-
Các đối tượng khác	1.998.665.372	2.161.301.726
Cộng	<u>3.866.985.011</u>	<u>3.225.562.365</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí khai thác, sử dụng vận hành tài sản Dự án CP2	-	27.683.125.000
Trích trước lãi vay	45.000.000	174.138.665
Tiền thưởng 6 tháng cuối năm 2022	-	2.082.362.500
Trích trước tiền đồng phục năm 2023	428.000.000	-
Trích trước chi phí tiền điện	833.599.525	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	27.295.455	375.000.000
Cộng	<u>1.333.894.980</u>	<u>30.314.626.165</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản phải trả khác	1.886.488.902	1.279.620.412
Đặt cọc, ký quỹ	1.072.500.000	758.574.229
Cộng	<u>2.958.988.902</u>	<u>2.038.194.641</u>
b) Dài hạn là bên liên quan		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:	90.314.252.015	758.051.535.531
- Công trình nhà máy Nước Yên Lạc (i)	1.630.121.989	12.430.000.000
- Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến khu danh thắng Tây Thiên (i)	2.587.168.008	23.022.127.184
- Công trình mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vĩnh Yên (ii)	62.651.502.018	699.153.948.347
- Công trình hệ thống cấp nước xã Vân Hội (iii)	6.445.460.000	6.445.460.000
- Công trình hệ thống cấp nước xã Thanh Trù (iv)	17.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	<u>90.314.252.015</u>	<u>758.051.535.531</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Đây là giá trị còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan đến các tài sản cố định hữu hình đã được Công ty tiếp nhận, khai thác và vận hành theo quyết định giao của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bao gồm:

- Công trình Nhà máy Nước Yên Lạc: Là giá trị khấu hao lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.630.121.989 VND.
- Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến khu Danh thắng Tây Thiên: Là giá trị khấu hao lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 2.587.168.008 VND.

Công ty chưa nhận được văn bản từ cơ quan có thẩm quyền về phương án hoàn trả giá trị đã khấu hao và khoản vốn đầu tư các công trình này.

(ii) Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên bao gồm:

- Giá trị khấu hao lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 61.159.377.018 VND;
- Năm 2022, Công ty xác định sản lượng khai thác của hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên vượt công suất đề cập theo Tờ trình số 2581 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính, theo đó Công ty xác định giá trị chênh lệch cần phải chi trả thêm trong năm 2022 là 1.492.125.000 VND.

Công ty cần hoàn trả nguồn vốn vay dự án này từ năm 2022 đến năm 2036, như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

(iii) Công trình Hệ thống cấp nước sạch xã Vân Hội: Đây là khoản vốn Công ty nhận được từ Ủy ban Nhân dân tỉnh để đầu tư công trình.

(iv) Công trình Hệ thống cấp nước xã Thanh Trù: Đây là khoản vốn Công ty nhận được từ Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh Yên để đầu tư công trình. Theo Quyết định số 2399 ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh Yên về việc phê duyệt phương án hoàn trả mức vốn hình thành tài sản cố định đối với hỗ trợ từ Ngân sách Thành phố, theo đó khoản vốn nhận được này bắt đầu hoàn trả từ năm 2036 đến năm 2050, như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	15.668.275.031	15.668.275.031	15.709.436.436	14.167.961.475	14.126.800.070	14.126.800.070
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (i)	6.801.132.996	6.801.132.996	6.841.954.185	6.640.479.224	6.599.658.035	6.599.658.035
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Vĩnh Phúc (ii)	1.307.142.035	1.307.142.035	1.307.482.251	1.307.482.251	1.307.142.035	1.307.142.035
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (iii)	6.760.000.000	6.760.000.000	6.760.000.000	5.420.000.000	5.420.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (iv)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
b) Vay dài hạn	23.633.978.497	23.633.978.497	2.025.469.650	15.466.615.187	37.075.124.034	37.075.124.034
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (i)	-	-	-	6.599.132.936	6.599.132.936	6.599.132.936
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Vĩnh Phúc (ii)	9.672.851.091	9.672.851.091	-	1.307.482.251	10.980.333.342	10.980.333.342
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc (iii)	9.895.374.927	9.895.374.927	2.025.469.650	6.760.000.000	14.629.905.277	14.629.905.277
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (iv)	4.065.752.479	4.065.752.479	-	800.000.000	4.865.752.479	4.865.752.479

Ghi chú:

- (i) Vay dài hạn nguồn vốn ODA Đan Mạch của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, với lãi suất 2%/năm, thời hạn trả nợ đến năm 2024, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay ODA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Vĩnh Phúc để thực hiện dự án “Đầu tư Hệ thống cấp nước sạch xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên” với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay cố định là 9,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án “Đầu tư Hệ thống cấp nước sạch xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên”.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo:
- Hợp đồng vay để thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước Dn400 cho KCN Thăng Long”, lãi suất vay cố định là 9,7%/năm trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó thực hiện theo lãi suất thả nổi theo thị trường và được điều chỉnh tối đa 6 tháng/l lần. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Tuyến ống cấp nước Dn400 cho KCN Thăng Long”.
 - Hợp đồng vay để đầu tư dự án “Hệ thống cấp nước cho KCN Thăng Long Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2”, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm (được áp dụng trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó áp dụng lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Hệ thống cấp nước cho KCN Thăng Long Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2”.
 - Hợp đồng vay để đầu tư dự án “Đường ống cấp nước Dn400 từ ngã tư Gia Khánh đến KCN Bá Thiện I”, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm (được áp dụng trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó áp dụng lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Đường ống cấp nước Dn400 từ ngã tư Gia Khánh đến KCN Bá Thiện I”.
- (iv) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc để thực hiện dự án “Đầu tư Đường ống cấp nước QL2B từ KĐT chùa Hà Tiên đến vòng xuyên Hợp Châu - Đồng Tĩnh” tại xã Định Trung, phường Liên Bảo thuộc thành phố Vinh Yên và xã Kim Long thuộc huyện Tam Dương, thị trấn Hợp Châu thuộc huyện Tam Đảo. Lãi suất vay là lãi suất điều chỉnh, được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư “Đầu tư Đường ống cấp nước QL2B từ KĐT chùa Hà Tiên đến vòng xuyên Hợp Châu - Đồng Tĩnh” tại xã Định Trung, phường Liên Bảo thuộc thành phố Vinh Yên và xã Kim Long thuộc huyện Tam Dương, thị trấn Hợp Châu thuộc huyện Tam Đảo.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.668.275.031	14.126.800.070
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	20.078.552.131	30.528.177.485
Sau năm năm	3.555.426.366	6.546.946.549
	<u>39.302.253.528</u>	<u>51.201.924.104</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.668.275.031	14.126.800.070
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>23.633.978.497</u></u>	<u><u>37.075.124.034</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XD CB	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	111.686.760.000	1.286.646.062	118.480.274	618.807.225	5.702.706.373	119.413.399.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.169.546.203	9.169.546.203
Trích quỹ	-	-	-	-	(2.850.000.000)	(2.850.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(2.848.563.722)	(2.848.563.722)
Số dư đầu năm nay	111.686.760.000	1.286.646.062	118.480.274	618.807.225	9.173.688.854	122.884.382.415
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.165.903.157	10.165.903.157
Trích quỹ (i)	-	-	2.292.387.000	-	(5.191.357.966)	(2.898.970.966)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(3.982.198.519)	(3.982.198.519)
Số dư cuối năm nay	111.686.760.000	1.286.646.062	2.410.867.274	618.807.225	10.166.035.526	126.169.116.087

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau: Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 2.292.387.000 VND, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.898.970.966 VND và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 3.978.170.704 VND; trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phương án và chi trả cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.982.198.519 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 03 tháng 08 năm 2009 và thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 09 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 111.686.760.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	108.057.760.000	96,75%	108.057.760.000	96,75%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.629.000.000	3,25%	3.629.000.000	3,25%
Cộng	111.686.760.000	100%	111.686.760.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	11.168.676
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	11.168.676

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu

22. TÀI SẢN NHẬN QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC

Công ty có nhận bàn giao từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để quản lý, vận hành, khai thác các dự án sau (xem thêm Thuyết minh số 12, Thuyết minh số 19, và Thuyết minh số 33):

- (i) Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên: Theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc quyết định giao tài sản của dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên cho Công ty.
- (ii) Công trình Hệ thống cấp nước từ Nhà máy nước Tam Dương đến Khu danh thắng Tây Thiên: Theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và được điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước năm 2021.
- (iii) Công trình Nhà máy nước Yên Lạc: Theo Quyết định số 1727/QĐ-CT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt tổng mức đầu tư của dự án.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	198.947.690.821	191.267.816.084
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	4.539.419.109	12.059.055.726
Doanh thu khác	1.466.380.975	2.329.911.007
Cộng	<u>204.953.490.905</u>	<u>205.656.782.817</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	149.777.878.378	141.004.245.160
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	3.305.583.778	10.104.719.686
Giá vốn khác	561.049.600	1.708.523.932
Cộng	<u>153.644.511.756</u>	<u>152.817.488.778</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.528.047.442	75.858.931.277
Chi phí nhân công	46.581.826.447	47.436.196.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.395.948.327	23.863.838.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài (i)	34.581.645.261	32.777.845.439
Chi phí khác bằng tiền	9.666.271.953	10.114.690.220
Cộng	<u>199.753.739.430</u>	<u>190.051.502.180</u>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm 30,17 tỷ đồng (năm trước là 27,683 tỷ đồng) chi phí khai thác, sử dụng vận hành tài sản thuộc Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên phải trả Ủy ban Nhân dân tỉnh (như trình bày tại Thuyết minh số 33).

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.277.290.027	1.672.145.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.438.292.245	1.834.378.790
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	77.771.327
Cộng	<u>4.715.582.272</u>	<u>3.584.296.012</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.343.579.946	2.948.932.512
Lỗ chênh lệch tỷ giá	242.821.249	525.503.404
Cộng	<u>3.586.401.195</u>	<u>3.474.435.916</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	7.584.523.523	6.960.846.700
Chi phí vật liệu, bao bì	10.708.669.395	7.662.005.126
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	91.520.455	78.021.971
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.431.815	609.247.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	762.558.139	551.313.972
Các khoản chi phí bán hàng khác	243.409.287	621.073.346
Cộng	<u>19.695.112.614</u>	<u>16.482.508.903</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	15.563.612.400	16.150.905.280
Chi phí vật liệu quản lý	231.723.605	136.791.814
Chi phí đồ dùng văn phòng	829.816.225	336.627.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.619.182.771	774.082.568
Thuế, phí và lệ phí	101.271.521	942.673.385
Chi phí dự phòng	(4.851.886.685)	1.020.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.080.321.696	2.535.765.045
Các khoản chi phí bằng tiền khác	6.268.204.349	4.308.130.650
Cộng	<u>21.842.245.882</u>	<u>26.204.976.620</u>

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
10% được hưởng từ thu phí bảo vệ môi trường	1.129.070.011	1.057.493.134
Cho thuê nhà và tiền điện, nước	117.736.507	72.677.716
Các khoản khác	279.051.240	316.472.731
Cộng	<u>1.525.857.758</u>	<u>1.446.643.581</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.399.264.220	11.320.478.815
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	205.833.342	579.397.037
Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế (i)	(1.438.292.245)	(1.834.378.790)
Thu nhập tính thuế	11.166.805.317	10.065.497.062
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.233.361.063	2.013.099.412
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	137.833.200
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.233.361.063	2.150.932.612

Ghi chú:

- (i) Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế là khoản cổ tức Công ty được nhận trong năm.

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý như đã trình bày ở trên khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.165.903.157	9.169.546.203
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(2.898.970.966)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.165.903.157	6.270.575.237
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.168.676	11.168.676
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	910	561

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 với số tiền là 2.898.970.966 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại. Giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2022 trước trình bày lại là 821 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT HOÀN TRẢ VỐN ĐẦU TƯ

Công trình mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên

Theo Văn bản số 2581/STC-QLGCSTCDN ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Sở tài chính tỉnh Vĩnh Phúc, đã được đồng ý bởi Văn bản số 9979/UBND-KT2 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh phúc, Công ty cần hoàn trả nguồn vốn vay dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên từ năm 2022 đến năm 2036. Cụ thể:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí vốn vay dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Vinh Yên đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	30.170.000.000	27.683.125.000
Cộng	30.170.000.000	27.683.125.000

Lịch hoàn trả trong những năm tiếp theo:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	35.361.000.000	30.170.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	207.267.000.000	187.197.000.000
Sau năm thứ 5 đến hết năm 2036	664.581.000.000	689.842.000.000
Cộng	907.209.000.000	907.209.000.000

Công trình Hệ thống cấp nước xã Thanh Trù

Theo Quyết định số 2399 ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh Yên về việc phê duyệt phương án hoàn trả mức vốn hình thành tài sản cố định đối với hỗ trợ từ Ngân sách Thành phố, theo đó khoản vốn nhận được này bắt đầu hoàn trả từ năm 2036 đến năm 2050. Cụ thể:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Từ năm 2036 đến hết năm 2038	2.400.000.000	2.400.000.000
Từ năm 2039 đến hết năm 2044	6.000.000.000	6.000.000.000
Từ năm 2045 đến hết năm 2050	8.600.000.000	8.600.000.000
Cộng	17.000.000.000	17.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các sổ dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 6, 16 và 19, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	45.531.677.663	43.970.320.549
Thanh toán		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	44.581.079.111	49.498.401.511
Chi phí khai thác, sử dụng tài sản		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	30.170.000.000	27.683.125.000
Thanh toán tiền khai thác, sử dụng tài sản		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	30.170.000.000	26.191.000.000
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	852.766.076	734.733.140
Thu tiền		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	775.808.035	716.424.557
Cổ tức được nhận		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	1.438.292.245	1.834.378.790
Chia cổ tức		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	3.848.909.353	2.759.903.248

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

		<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hội đồng Quản trị	Chức danh		
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	596.698.800	736.396.000
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	478.602.900	588.420.400
Bà Lê Thị Kim Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	422.255.100	499.324.500
Ông Trần Duy Thập	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	443.472.500	544.232.100
Ông Ninh Duy Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị	267.444.600	286.842.900
Ông Quách Việt Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	249.691.800	262.747.500
Ông Vũ Xuân Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	237.086.100	245.720.000
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát	185.563.100	196.448.400
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	157.855.400	180.295.700
Bà Bùi Thị Thúy Ngọc	Kế toán trưởng	390.984.300	521.214.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản trong năm không bao gồm 1.148.052.092 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm 2023 mà chưa được thanh toán và đã bao gồm 3.000.000.000 VND là số tiền trả trước cho việc mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang, vì vậy, một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải thu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 669.229.408.516 VND là phần giảm tương ứng với số dư phải trả khác không thu hồi được bằng tiền (xem Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 19), vì vậy, một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải trả trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Nguyễn Văn Khánh
Tổng Giám đốc

Vinh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu